

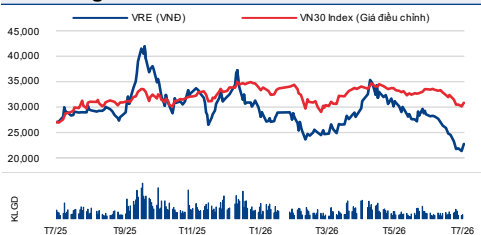
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ40,600
Tiềm năng tăng/giảm: 78.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2026)	22,750
Mã Bloomberg	VRE VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	21,300-41,916
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	21,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	51,695
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,964
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,272
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,113
Slg CP NN được mua (tr.đv)	677
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.2%
Tỷ lệ freefloat	62.5%
Cổ đông lớn	Vingroup (18.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	8,837	9,814	12,348
EBITDA đc (tỷ đồng)	5,274	5,756	7,387
LNTT (tỷ đồng)	8,083	5,551	7,417
LNT ĐC (tỷ đồng)	5,943	4,404	5,934
FCF (tỷ đồng)	(5,948)	1,059	3,286
EPS ĐC (đồng)	2,615	1,938	2,611
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	21,286	22,305	24,917
T.trưởng EBITDA (%)	2.38	9.14	28.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	57.4	(31.7)	34.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	59.7	58.7	59.8
Tỷ suất LNTT (%)	91.5	56.6	60.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	72.9	44.9	48.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	4.70	7.00	0.46
ROAE (%)	14.3	8.89	11.1
ROACE (%)	7.39	7.86	9.97
EV/doanh thu (lần)	6.07	5.59	4.18
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.2	9.53	6.98
P/E ĐC (lần)	8.70	11.7	8.71
P/B (lần)	1.07	1.02	0.91
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VRE, một công ty con của Vingroup, hiện là nhà phát triển, sở hữu và vận hành trung tâm thương mại lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Bùi Thị Thùy Trang

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
trang.btt@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q2/2026: Lợi nhuận vượt dự báo nhờ các khoản mục ngoài HĐKD

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 của VRE đạt 1.609 tỷ đồng (+30,4% svck; đi ngang so với quý trước) trên doanh thu 2.374 tỷ đồng (+10,8% svck; +3,5% svqt). Lợi nhuận vượt dự báo của HSC, chủ yếu nhờ đóng góp tích cực từ các khoản mục ngoài HĐKD (doanh thu HĐ tài chính tăng và chi phí khấu hao giảm).
- Lợi nhuận thuần và doanh thu nửa đầu năm 2026 đạt lần lượt 70,1% và 47,6% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi trong khi hoàn thành 59,8% và 46,1% mục tiêu của BLĐ công ty đề ra.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 27% trong 3 tháng qua, VRE đang giao dịch ở mức chiết khấu 55,1% so với ước tính RNAV, lớn hơn bình quân 3 năm ở mức 43,6%. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào, với giá mục tiêu theo phương pháp RNAV là 40.600đ (tiềm năng tăng giá là 79%).

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2026 và gặp gỡ chuyên viên phân tích

VRE công bố KQKD Q2/2026, với lợi nhuận thuần và doanh thu tăng lần lượt 30,4% so với cùng kỳ (đi ngang so với quý trước) và 10,8% so với cùng kỳ (tăng 3,5% so với quý trước) đạt 1.609 tỷ đồng và 2.374 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần và doanh thu nửa đầu năm 2026 đạt lần lượt 70,1% và 47,6% dự báo cho cả năm 2026 của HSC trong khi hoàn thành 59,8% và 46,1% mục tiêu của BLĐ công ty đề ra.

Mặc dù doanh thu Q2/2026 sát với dự báo của chúng tôi, lợi nhuận thuần vượt xa kỳ vọng. Động lực chính đến từ các khoản mục ngoài HĐKD, bao gồm doanh thu HĐ tài chính khả quan hơn và chi phí khấu hao giảm sau khi công ty đánh giá lại khấu hao liên quan đến việc mua lại Vincom Mega Mall Ocean Park 1 trong quý.

Doanh thu cho thuê trong Q2/2026 đạt 2.267 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ và tăng 2,7% so với quý trước. HĐKD cốt lõi của VRE tiếp tục ghi nhận diễn biến tích cực với tỷ lệ lấp đầy tổng thể trên cả 4 mô hình TTTM đạt 88,6% (cải thiện đáng kể từ mức 86,3% trong Q2/2025 và không đổi so với quý trước). Tỷ suất LN thuần HĐKD trong quý đạt 68,4%, thấp hơn một chút so với mức 69,5% trong Q2/2025, do chi phí năng lượng gia tăng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, VRE

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26
Doanh thu thuần	2,143	2,374	10.8%	4,274	4,667	9.2%
Lợi nhuận gộp	1,182	1,398	18.3%	2,385	2,837	19.0%
Doanh thu HĐ tài chính	677	845	24.8%	1,302	1,680	29.1%
Chi phí tài chính	269	220	-18.3%	511	425	-16.9%
Chi phí BH	41	54	31.3%	109	118	8.2%
Chi phí QL	121	76	-36.6%	226	163	-28.1%
LNTT	1,545	1,996	29.2%	3,021	3,995	32.2%
Lợi nhuận thuần	1,233	1,609	30.4%	2,411	3,215	33.4%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	-	-	0.0%	148*	-	-100.0%
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	1,233	1,609	30.4%	2,263	3,215	42.1%

Ghi chú: * Lãi từ thanh lý bất động sản đầu tư trong Q1/2026.

Nguồn: VRE, HSC

Doanh thu mảng kinh doanh BĐS trong Q2/2026 không đáng kể và sát với dự báo của chúng tôi, đạt 21 tỷ đồng (+37% svck; +26,6% svqt). Doanh thu chưa ghi nhận của mảng kinh doanh BĐS trong năm 2026 đạt 413 tỷ đồng, trong đó 280 tỷ đồng đã được ghi nhận trong Q1/2026 từ việc thanh lý một tài sản không cốt lõi, còn 133 tỷ đồng còn lại thuộc về dự án Đông Hà (Quảng Trị).

Bảng CĐKT

Chi phí bán hàng & quản lý được ghi nhận ở mức 131 tỷ đồng, giảm 19,3% so với cùng kỳ và giảm 12,5% so với quý trước nhờ chi phí khấu hao và chi phí dự phòng giảm. Chi phí khấu hao thấp hơn so với cùng kỳ do công ty điều chỉnh chi phí khấu hao sau khi mua lại Vincom Mega Mall Ocean Park 1.

Doanh thu HĐ tài chính tăng vọt 24,8% so với cùng kỳ (đi ngang so với quý trước), đạt 845 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi và lãi cho vay cao hơn. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm 18,3% so với cùng kỳ (tăng 7,1% so với quý trước) xuống còn 220 tỷ đồng. Tính đến cuối Q2/2026, dư nợ thuần của VRE ở mức 563 tỷ đồng, thấp hơn đáng kể so với mức 2,5 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2025 và 1,8 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2025. Bảng CĐKT vẫn lành mạnh theo quan điểm của chúng tôi, được hỗ trợ bởi dòng tiền mạnh từ các hoạt động cho thuê.

Các khoản tiền đặt cọc phát triển quỹ đất với các công ty liên quan bao gồm VIC (không khuyến nghị) - đơn vị sở hữu 18,7% cổ phần VRE - và VHM (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu: 157.000đ/cp) đạt 25 nghìn tỷ đồng (không đổi so với quý trước) tại thời điểm cuối Q2/2026. BLĐ đã công bố thông tin chi tiết về mục đích của các khoản đặt cọc này: 10,4 nghìn tỷ đồng (không đổi so với quý trước) đã được đặt cọc liên quan đến các căn shophouse VHM tại các dự án Vinhomes Green Paradise Cần Giờ, Vinhomes Golden Avenue (Móng Cái) và Vinhomes Royal Island (Vũ Yên), trong khi 13,6 nghìn tỷ đồng còn lại (+2% svqt) được dành riêng cho việc phát triển các trung tâm thương mại trong tương lai, bao gồm hai trung tâm thương mại tại Cần Giờ và Global Gate Mega Mall tại Hà Nội.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 40.600đ (tiềm năng tăng giá là 79%)

Sau khi giá cổ phiếu giảm 19%/27% trong 1 tháng và 3 tháng qua, VRE đang giao dịch ở mức chiết khấu 55,1% so với ước tính RNAV, sâu hơn đáng kể so với bình quân 3 năm ở mức 43,6%. Cổ phiếu có P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,2 lần, thấp hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 10,7 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, với giá mục tiêu theo phương pháp RNAV là 40.600đ (tiềm năng tăng giá là 79%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	8,939	8,837	9,814	12,348	13,389
Lợi nhuận gộp	4,755	4,732	5,369	7,073	7,800
Chi phí BH&QL	(983)	(839)	(868)	(950)	(987)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	3,773	3,893	4,501	6,123	6,813
Lãi vay thuần	948	3,687	1,050	1,294	1,419
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN không thường xuyên	413	503	0	0	0
LNTT	5,133	8,083	5,551	7,417	8,232
Chi phí thuế TNDN	(1,038)	(1,637)	(1,147)	(1,483)	(1,646)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,096	6,446	4,404	5,934	6,585
Lợi nhuận thuần ĐC	3,683	5,943	4,404	5,934	6,585
EBITDA ĐC	5,152	5,274	5,756	7,387	8,078
EPS (đồng)	1,802	2,837	1,938	2,611	2,898
EPS ĐC (đồng)	1,621	2,615	1,938	2,611	2,898
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,272	2,272	2,272	2,272	2,272
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,272	2,272	2,272	2,272	2,272
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,272	2,272	2,272	2,272	2,272

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	2,885	4,435	3,222	6,507	7,922
Đầu tư ngắn hạn	126	133	133	133	133
Phải thu khách hàng	2,016	2,886	4,037	5,237	5,695
Hàng tồn kho	295	236	1,116	1,809	2,430
Các tài sản ngắn hạn khác	6,990	271	792	660	260
Tổng tài sản ngắn hạn	12,312	7,961	9,300	14,347	16,440
TSCĐ hữu hình	203	263	228	193	156
TSCĐ vô hình	18.8	9.82	18.8	18.8	18.8
Bất động sản đầu tư	27,084	27,231	26,424	27,374	27,986
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	15,608	25,814	27,017	27,502	27,705
Tổng tài sản dài hạn	42,914	53,318	53,689	55,087	55,866
Tổng cộng tài sản	55,226	61,279	62,989	69,434	72,306
Nợ ngắn hạn	2,010	20.6	20.6	20.6	20.6
Phải trả người bán	462	659	183	217	230
Nợ ngắn hạn khác	2,129	2,467	2,450	3,082	3,341
Tổng nợ ngắn hạn	5,921	5,174	4,567	5,079	6,604
Nợ dài hạn	2,523	6,380	6,380	6,380	1,141
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	4,860	1,357	1,357	1,357	1,357
Tổng nợ dài hạn	7,383	7,737	7,737	7,737	2,498
Tổng nợ phải trả	13,304	12,911	12,304	12,816	9,102
Vốn chủ sở hữu	41,922	48,368	50,685	56,618	63,204
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.36	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	41,923	48,368	50,685	56,618	63,204
Tổng nợ phải trả và VCSH	55,226	61,279	62,989	69,434	72,306
BVPS (đ)	18,449	21,286	22,305	24,917	27,815
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,648	1,966	3,179	(106)	(6,761)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	3,773	3,893	4,501	6,123	6,813
Khấu hao	(1,379)	(1,381)	(1,255)	(1,264)	(1,265)
Lãi vay thuần	948	3,687	1,050	1,294	1,419
Thuế TNDN đã nộp	(1,274)	(1,089)	(1,147)	(1,483)	(1,646)
Thay đổi vốn lưu động	(3,113)	(7,190)	(3,212)	(1,885)	537
Khác	560	445	2,000	2,072	2,152
LCT thuần từ HKKD	758	(3,262)	2,632	5,312	8,387
Đầu tư TS dài hạn	(4,192)	(2,686)	(1,572)	(2,027)	(1,733)
Góp vốn & đầu tư	(0.35)	0	0	0	0
Thanh lý	(5,342)	2,592	0	0	0
Khác	7,071	3,102	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(2,463)	3,008	(1,572)	(2,027)	(1,733)
Cổ tức trả cho CSH	(21.4)	(23.0)	(2,272)	0	0
Thu từ phát hành CP	0.36	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	994	6,273	0	0	(5,239)
Khác	(485)	(4,446)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	488	1,804	(2,272)	0	(5,239)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	4,102	2,885	4,435	3,222	6,507
LCT thuần trong kỳ	(1,217)	1,550	(1,213)	3,286	1,415
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,885	4,435	3,222	6,507	7,922
Dòng tiền tự do	(3,434)	(5,948)	1,059	3,286	6,654

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	53.2	53.5	54.7	57.3	58.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	57.6	59.7	58.7	59.8	60.3
Tỷ suất LNT (%)	45.8	72.9	44.9	48.1	49.2
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.2	20.3	20.7	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(8.70)	(1.14)	11.1	25.8	8.43
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(14.4)	2.38	9.14	28.3	9.35
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(13.6)	61.4	(25.9)	34.7	11.0
Tăng trưởng EPS (%)	(7.10)	57.4	(31.7)	34.7	11.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	61.4	(25.9)	34.7	11.0
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	10.3	14.3	8.89	11.1	11.0
ROACE (%)	8.16	7.39	7.86	9.97	10.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.17	0.15	0.16	0.19	0.19
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.20	(0.84)	0.58	0.87	1.23
Số ngày tồn kho	25.7	21.0	91.6	125	159
Số ngày phải thu	176	257	332	362	372
Số ngày phải trả	40.3	58.6	15.0	15.0	15.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	4.37	4.70	7.00	0.46	(7.91)
Nợ/tài sản (%)	8.54	11.0	10.7	9.75	4.04
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.92	1.27	1.18	0.92	0.36
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.08	1.54	2.04	2.83	2.49
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.97	6.07	5.59	4.18	3.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	10.2	9.53	6.98	5.56
P/E (lần)	12.6	8.02	11.7	8.71	7.85
P/E ĐC (lần)	14.0	8.70	11.7	8.71	7.85
P/B (lần)	1.23	1.07	1.02	0.91	0.82
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn